

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 30 – 8 – 2024

V/v: *Kiện xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quang Lương

Bà Nguyễn Thị Ngân Hà

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 30/8/2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 29/5/2024 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113 /2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn S, sinh năm 1994.

ĐKHKT: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ cần báo: Số 36 – 38 đường H, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Quốc C - Luật sư, Văn phòng luật sư C – chi nhánh B. Địa chỉ: Số 127 đường H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1986.

ĐKHKT: Tổ dân phố T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Tạm trú: Phòng số 304, chung cư HKM, đường M, Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và hiện đang làm việc tại Nha khoa Sài Gòn New, số 36 – 38 đường H, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 20/5/2024, được bổ sung tại bản tự khai và đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn anh Lê Văn S trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị Thu H có sự tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2018 tại UBND thị trấn Quán Hàu, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Từ năm 2023 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, tình trạng ngày một trầm trọng. Đến tháng 9/2023, vợ chồng bắt đầu sống ly thân, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Anh S vẫn thường xuyên qua lại để thăm gặp và chăm sóc con, tuy nhiên vợ chồng không nói chuyện với nhau. Nay anh S thấy tình cảm vợ chồng không còn, không yêu thương tôn trọng nhau, vợ chồng không giúp đỡ nhau phát triển mọi mặt, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được ly hôn với chị Hoàng Thị Thu H.*

- Về con chung: Anh S trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Thiên P, sinh ngày 11/01/2019. Hiện nay con chung đang còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ nên anh S có nguyện vọng giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi con. Anh S cấp dưỡng tiền nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh S trình bày quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung, tuy nhiên, anh S có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 23/7/2024, bị đơn chị Hoàng Thị Thu H trình bày:*

- Về tình cảm: Hoàn toàn thừa nhận việc tìm hiểu và đi đến kết hôn tự nguyện với anh Lê Văn S, đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2018 tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau đó, anh S ngoại tình, bỏ đi và không quan tâm đến vợ con. Tuy vậy, chị H đã khuyên chồng và bỏ qua mọi sai lầm để vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng anh S vì có tình cảm ngoài luồng nên muốn ly hôn vợ và từ bỏ quyền nuôi con. Chị H hiện đang phải chi trả khoản nợ trên 4 tỷ, con cái còn nhỏ cần có ba bên cạnh, việc ly hôn ảnh hưởng đến tương lai của con nên chị H muốn vợ chồng tiếp tục xây dựng hạnh phúc, đề nghị Tòa án hoà giải, không giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Thiên P, sinh ngày 11/01/2019. Hiện con đang sống với chị H. Chị H không có nguyện vọng ly hôn sợ ảnh hưởng đến cuộc sống của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ Công ty TNHH Nha khoa Sài Gòn New với 04 chi nhánh cơ sở: Nha khoa Đồng Hới: giá thuê nhà 25.000.000 đồng; Nha khoa Ba Đồn: giá thuê nhà 20.000.000 đồng; Nha khoa Thanh Khê: giá thuê nhà 8.000.000 đồng; Nha khoa Bảo Ninh: giá thuê nhà 2.700.000 đồng

+ Mảnh đất dự án TNR Bắc Lý giá 6.800.000.000 đồng.

+ Mảnh đất tại Phú Yên giá 500.000.000 đồng.

+ 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi trị giá: 1.600.000.000 đồng

+ Các khoản nợ gồm: Khoản nợ mua đất dự án TNR: 3.200.000.000 đồng; Khoản nợ thấu chi: 610.000.000 đồng; Mượn bạn để trả tiền cầm xe ô tô: 390.000.000 đồng; Ngoài ra còn một số khoản nợ khác, sử dụng trong quá trình xây dựng các chi nhánh Nha khoa.

Chị H còn trình bày thêm: Hiện nay, hoạt động kinh doanh của các cơ sở Nha khoa rất khó khăn. Anh S hiện là bác S chính của Nha khoa. Việc anh S muốn ly hôn rất khó cho chị H và con để trả nợ các khoản. Mong Toà án không giải quyết ly hôn để vợ chồng cùng nhau trả nợ các khoản nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải số 97/2024/TB-TA ngày 22/7/2024, bị đơn chị H đã nhận nhưng với lý do hiện nay sức khoẻ không tốt, lại lo các cơ sở kinh doanh và con còn nhỏ nên chị H không đến tham gia phiên họp vào ngày 25/7/2024. Toà án tiếp tục ra Thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải số 106/2024/TB-TA, Ngày 29/7/2024 ấn định phiên họp vào ngày 02/8/2024 và tổng đạt qua đường bưu điện về địa chỉ tạm trú và địa chỉ làm việc của chị H. Đồng thời tiến hành tổng đạt trực tiếp cho chị H tại địa chỉ Nha khoa Sài Gòn New, nhưng chị H tiếp tục vắng mặt. Như vậy vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2024 xét xử vào ngày 20/8/2024. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2024/QĐST-HNGĐ và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 30/8/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Hoàng Thị Thu H có đăng ký tạm trú tại: Phòng số 304, chung cư HKM, đường M, Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và hiện đang làm việc tại Nha khoa

Sài Gòn New, số 36 – 38 đường H, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Xét quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã làm đầy đủ các thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện tổng đạt qua bưu chính, tổng đạt trực tiếp theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Hoàng Thị Thu H có đăng ký tạm trú tại: Phòng số 304, chung cư HKM, đường M, Tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và hiện đang làm việc tại Nha khoa Sài Gòn New, số 36 – 38 đường H, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình., nhưng qua nhiều lần Tòa án và chính quyền địa phương đến để tổng đạt các văn bản tố tụng, chị H nhận văn bản, có làm bản tự khai và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng đều vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án, tức là bị đơn cố tình từ bỏ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 68, 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị Thu H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Lê Văn S và chị Hoàng Thị Thu H đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2018 tại UBND thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp. Lẽ ra, anh chị phải biết tH yêu, chung thủy, nhường nhịn, tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại, anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu sự sẻ chia trách nhiệm. Anh S cho rằng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng không có sự thương yêu, tôn trọng nhau còn chị H cho rằng nguyên nhân chính là do anh S có quan hệ ngoài luồng, ngoại tình nên mới mong muốn bỏ vợ. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2023, bỏ mặc không quan tâm đến nhau. Chị H trình bày đã bỏ qua sai lầm của chồng và không muốn Tòa án giải quyết ly hôn mà có nguyện vọng vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc và nuôi dạy con cái. Nhưng không cung cấp chứng cứ về việc ngoại tình của anh S và cũng không đến Tòa để được hòa giải đồng thời cũng không có biện pháp gì để níu kéo hạnh phúc. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Hai bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Hoàng Thiên P, sinh ngày 11/01/2019 và hiện con đang sống với chị H. Xét thấy cháu Lê Hoàng Thiên P đang còn nhỏ và hiện đang sống với chị H, đều do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S đồng ý giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con 5.000.000 đồng/tháng nên cần giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Anh S thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được khối tài sản chung nhưng có nguyện vọng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H trình bày quá trình chung sống vợ chồng khối tài sản chung và nợ chung, cung cấp tài liệu chứng cứ là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tuy nhiên, chị H chỉ liệt kê các tài sản chung và nợ chung nhưng không có nguyện vọng được phân chia. Quá trình giải quyết vụ án, chị H không đến Tòa án cũng không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: anh Lê Văn S phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Lê Văn S được ly hôn với chị Hoàng Thị Thu H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Hoàng Thiên P, sinh ngày 11/01/2019. Buộc anh Lê Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Không xem xét.

4. *Về án phí:* Buộc anh Lê Văn S phải chịu số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã

nộp theo Biên lai ký hiệu BLTU/23 số 0001190 ngày 29/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Lê Văn S phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2024); Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Phúc Nam

